

HỘI THẢO KHOA HỌC VIỆT - TRUNG

**“Vấn đề sở hữu: kinh nghiệm Việt Nam và Trung Quốc
trong quá trình đổi mới, cải cách và mở cửa”**

ĐỔI MỚI QUAN NIỆM VỀ CHẾ ĐỘ SỞ HỮU VÀ Ý NGHĨA CHIẾN LƯỢC CỦA SỰ ĐỔI MỚI ĐÓ ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN CỦA VIỆT NAM HIỆN NAY

NGUYỄN TRỌNG CHUẨN (*)

Cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội nặng nề, cực kỳ nguy hiểm và kéo dài trong nhiều năm đã buộc chúng ta phải tiến hành công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, trong đó đổi mới quan niệm về sở hữu nói chung, về chế độ và hình thức sở hữu, về thành phần kinh tế nói riêng, là bước đột phá hết sức quan trọng, góp phần thay đổi nhanh chóng diện mạo của toàn bộ nền kinh tế và đưa đất nước thoát khỏi cuộc khủng hoảng nặng nề và cực kỳ nguy hiểm đó. Giờ đây, việc nhìn nhận lại tiến trình đổi mới nhận thức này, thực chất của sự đổi mới, ý nghĩa chiến lược và cả những vướng mắc, những rào cản đang làm chậm nhịp độ phát triển của đất nước là nhiệm vụ của cả giới lý luận và của toàn xã hội.

Đã từng có một thời mà khi cứ nói đến sở hữu tư nhân, kinh tế tư nhân là người ta nghĩ ngay đến đó là những thứ cần phải bị loại bỏ ngay và loại bỏ càng nhanh càng tốt để sớm có chủ nghĩa xã hội. Thậm chí đã từng có thời kỳ mà tính chất của chủ nghĩa xã hội ở một nước còn được đánh giá

qua tỷ lệ thành phần kinh tế tư nhân và sở hữu tư nhân hiện đang tồn tại. Hơn thế nữa, chính cái tỷ lệ này cũng được coi là nhiệm vụ mà cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa phải tiếp tục cải tạo. Người ta đã từng mơ ước và say sưa rao giảng về một nền kinh tế xã hội chủ nghĩa “trong sạch”, “thuần khiết”, một chủ nghĩa xã hội phát triển chỉ còn lại hai loại hình sở hữu là sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể cùng với hai thành phần kinh tế là kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể. Quan điểm mang tính phổ biến đó trong các nước xã hội chủ nghĩa cũng đã từng là quan điểm thống trị ở nước ta suốt một thời gian không ngắn. Quan điểm này đã bỏ qua những tiền đề hiện thực, hoàn toàn không tính đến điều kiện lịch sử - cụ thể và khả năng của một đất nước đang ở trình độ rất thấp kém về nhiều mặt, nhất là chưa kinh qua sự phát triển tư bản chủ nghĩa và nói chung, còn rất lạc hậu lại phải dồn mọi nguồn lực và khả năng cho công cuộc chống ngoại xâm.

(*) Giáo sư, tiến sĩ, Viện trưởng Viện Triết học, Tổng biên tập Tạp chí Triết học.

Sau khi chiến tranh kết thúc, giang sơn thu về một mối, đáng lẽ phải tập trung huy động mọi nguồn lực, mọi khả năng có thể huy động được từ tất cả các thành phần kinh tế để phát triển thì chúng ta lại thực hiện một cách giáo điều, duy ý chí công cuộc cải tạo mà thực chất là xoá bỏ các thành phần được coi là phi xã hội chủ nghĩa nhằm thiết lập quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trên phạm vi cả nước. Trên thực tế (thậm chí cả trong lý luận), chúng ta đã không chú ý đến tư tưởng vô cùng quan trọng được C.Mác trình bày rõ trong *Lời tựa* cuốn *Góp phần phê phán khoa kinh tế chính trị* rằng, “không một hình thái xã hội nào diệt vong trước khi tất cả những lực lượng sản xuất mà hình thái xã hội đó tạo địa bàn đầy đủ cho phát triển, vẫn chưa phát triển, và những quan hệ sản xuất mới cao hơn, cũng không bao giờ xuất hiện trước khi những điều kiện tồn tại vật chất của những quan hệ đó chưa chín muồi trong lòng bản thân xã hội cũ”(1). Trái lại, chúng ta đã quá giáo điều tiếp nhận và thực thi triệt để một quan điểm cho rằng, quan hệ sản xuất phải đi trước mở đường cho lực lượng sản xuất phát triển. Do vậy, một hệ quả tất yếu đã xảy ra là các quan hệ sở hữu, các hình thức sở hữu và các thành phần kinh tế ngoài nhà nước và ngoài tập thể bị đối xử như là những vật cản đáng ghét cần phải xoá bỏ và cải tạo để đảm bảo sự đi lên và sự thành công của chủ nghĩa xã hội.

Tại Đại hội IV (1976), Đảng Cộng sản Việt Nam yêu cầu, “để xây dựng làm chủ tập thể về kinh tế, phải xoá bỏ chế độ sở hữu tư bản chủ nghĩa và cải tạo chế độ sở hữu cá thể của nông dân và thợ thủ công, xác lập chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa dưới hai hình thức: sở hữu toàn dân và sở

hữu tập thể bằng những phương pháp và bước đi thích hợp; phải ra sức phát triển thành phần kinh tế quốc doanh ngày càng lớn mạnh; xây dựng nhanh chóng thành phần kinh tế tập thể, tiến hành hợp tác hoá nông nghiệp và đưa nông nghiệp lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa”. Về các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh, Đại hội V của Đảng (1982) tuy đã có sự nhận thức mới hơn, song vẫn tiếp tục khẳng định: “Đối với công nghiệp tư bản tư doanh, phải có chính sách và tổ chức tốt, vừa sử dụng vừa cải tạo dưới hình thức công tư hợp doanh hoặc các hình thức khác. Triệt để xoá bỏ thành phần tư bản trong thương nghiệp. Đối với tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp và các ngành dịch vụ, tùy theo đặc điểm của từng ngành, nghề mà tổ chức các hình thức làm ăn tập thể hay để kinh doanh cá thể. Chuyển dần những người buôn bán nhỏ không cần thiết trong lưu thông sang sản xuất và các hoạt động dịch vụ khác. Như vậy, trong một thời gian nhất định, ở miền Bắc có ba thành phần kinh tế (quốc doanh, tập thể và cá thể), ở miền Nam còn năm thành phần kinh tế (quốc doanh, tập thể, công tư hợp doanh, cá thể và tư bản tư nhân)”(2).

Kể từ Đại hội VI trở đi, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về quan hệ sở hữu và về các thành phần kinh tế đã có những thay đổi cơ bản. Có thể nói rằng, đây vừa là kết quả rút ra từ thực tiễn xây dựng đất nước theo quan niệm cũ về xây dựng chủ nghĩa xã hội, vừa là kết quả của sự nhận thức lại quan điểm của C.Mác về

(1) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Toàn tập*, t.13. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1993, tr. 15-16.

(2) Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V*, t.1. Nxb Sự thật, Hà Nội, 1982, tr.67.

quan hệ sản xuất phải “phù hợp với một trình độ phát triển nhất định của các lực lượng sản xuất”(3). Kết luận lý luận quan trọng, mang ý nghĩa triết học mà Đại hội VI rút ra là “lực lượng sản xuất bị kìm hãm không chỉ trong trường hợp quan hệ sản xuất lạc hậu, mà cả khi quan hệ sản xuất phát triển không đồng bộ, có những yếu tố đi quá xa so với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất”(4).

Từ chỗ lúc đầu (Đại hội VI) chỉ thừa nhận nền kinh tế có 5 thành phần (trừ tư bản thương nghiệp) đến chỗ “phát triển một nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa” (Đại hội VII - 1991), **“nắm vững định hướng xã hội chủ nghĩa trong việc xây dựng nền kinh tế nhiều thành phần”** và “thực hiện nhất quán, lâu dài chính sách phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần”(5) (Đại hội VIII - 1996) là một bước tiến dài trong lĩnh vực nhận thức và tổng kết thực tiễn những thành tựu của công cuộc đổi mới.

Đặc biệt, Đại hội lần thứ IX của Đảng (2001) đã nêu ra một nhận thức mới về vấn đề sở hữu khi khẳng định: “Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo; kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc” và “từ các hình thức sở hữu cơ bản: *sở hữu toàn dân, sở hữu tập thể và sở hữu tư nhân* hình thành nhiều thành phần kinh tế với những hình thức tổ chức kinh doanh đa dạng, đan xen, hỗn hợp”(6).

Việc thừa nhận nhiều hình thức sở hữu và nhiều thành phần kinh tế; coi “*kinh tế*

cá thể, tiểu chủ cả ở nông thôn và thành thị có vị trí quan trọng lâu dài”; “khuyến khích phát triển kinh tế tư bản tư nhân rộng rãi trong những ngành nghề sản xuất, kinh doanh mà luật pháp không cấm”; “phát triển đa dạng kinh tế tư bản nhà nước”; “tạo điều kiện để kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài phát triển thuận lợi”; “chú trọng phát triển các hình thức tổ chức kinh doanh đan xen, hỗn hợp nhiều hình thức sở hữu”(7) thể hiện rất rõ ý nghĩa chiến lược, lâu dài và nhất quán của đường lối phát triển đất nước của Đảng Cộng sản Việt Nam kể từ khi bắt đầu quá trình đổi mới.

Chính sự thừa nhận trên đây của Đảng về vị trí quan trọng lâu dài của kinh tế tư nhân, kể cả tư bản tư nhân và các thành phần kinh tế khác cùng nhiều hình thức sở hữu, đang tác động không nhỏ, sẽ góp phần làm thay đổi quan niệm của một số người đã cố bám giữ những gì đã lỗi thời và hiện thời vẫn đang tiếm nuôi nền kinh tế chỉ có hai loại hình sở hữu, đang lo sợ mất đi cái thứ chủ nghĩa xã hội vốn rất thiếu sức sống, xơ cứng và không có khả năng chứng tỏ ưu thế trong quá trình hội nhập quốc tế.

Điều chúng tôi muốn lưu ý ở đây là, trong khi nhận ra những điều thiết yếu trong quan điểm của Đảng về “vai trò chủ đạo trong nền kinh tế” của kinh tế nhà

(3) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđđ.*, t.13, tr. 15.

(4) Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1987, tr.57.

(5) Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, tr. 91.

(6) Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 87, 96.

(7) Đảng Cộng sản Việt Nam. *Sđđ.*, tr. 98-99.

nước, của sở hữu toàn dân, về “vị trí then chốt” của doanh nghiệp nhà nước thì đáng tiếc là cách hiểu về tính chất “chủ đạo”, về vị trí “then chốt” đôi khi thiên về hình thức, mà trước hết là về số lượng và về quy mô, lấy quan niệm mô hình kinh tế xã hội chủ nghĩa lý tưởng trong tương lai làm chỗ dựa, không phải là hiếm. Cách hiểu này đã dẫn đến chỗ tưởng rằng cố nắm giữ được càng nhiều các lĩnh vực kinh tế và sản xuất kinh doanh, các xí nghiệp và cơ sở sản xuất vào tay nhà nước thì càng đảm bảo sự vững chắc của chủ nghĩa xã hội. Hậu quả ai cũng thấy là khu vực kinh tế thuộc sở hữu toàn dân, sở hữu nhà nước mặc dù được đầu tư rất lớn, được ưu tiên nhiều mặt và tuy có những đóng góp không thể chối cãi, nhưng hoàn toàn không tương xứng, thậm chí còn rất xa với với khả năng, với sự đầu tư to lớn đó trong nhiều năm qua. Hiệu quả sản xuất thấp, tình trạng lãng phí, tham nhũng nặng nề làm thất thoát vốn rất lớn từ kinh tế nhà nước và sở hữu toàn dân là điều đã được thừa nhận rộng rãi nhưng lại chưa được chữa trị một cách có kết quả.

Trước thực trạng đó, có ý kiến cực đoan cho rằng, cần tư nhân hoá triệt để toàn bộ nền kinh tế, cần thay đổi toàn bộ quan hệ sở hữu.

Phải chăng có thể làm như vậy trong điều kiện cụ thể của nước ta?

Câu trả lời chỉ có thể là không.

Trước hết, trong thế giới hiện đại, các nền kinh tế đều có kinh tế nhà nước và sở hữu toàn dân.

Thứ nữa, đối với chúng ta, kinh tế nhà nước và sở hữu toàn dân là cơ sở, là chỗ dựa quan trọng giúp cho sự điều hành và chi phối các hoạt động kinh tế vì lợi ích của toàn dân.

Thứ ba, đây là bộ phận quan trọng để giữ đúng được định hướng, đảm bảo sự phát triển ổn định của đất nước thông qua các lĩnh vực then chốt.

Tuy nhiên, trong khi chủ trương coi kinh tế nhà nước và sở hữu toàn dân đóng vai trò chủ đạo thì cũng cần khách quan và tỉnh táo để nhận ra rằng, trong điều kiện của chúng ta hiện nay và cả trong một thời gian còn rất dài, vai trò động lực của sở hữu nói chung và sở hữu tư nhân nói riêng là vô cùng lớn. Bởi vì, sở hữu có quan hệ rất mật thiết với lợi ích, mà như C.Mác nói, “tất cả cái gì mà con người đấu tranh để giành lấy, đều dính liền với lợi ích của họ”(8). Có được quyền sở hữu và được chiếm hữu trên thực tế có nghĩa là sẽ có được lợi ích và mọi người sẽ cố gắng phấn đấu vì lợi ích đó. Vai trò động lực của sở hữu bộc lộ rõ trước hết là ở trong mối quan hệ này.

Chúng ta chủ trương kinh tế nhà nước là chủ đạo; kinh tế nhà nước và kinh tế hợp tác xã dần dần trở thành nền tảng của nền kinh tế quốc dân nhưng không nên coi chỉ có những hình thức này mới là kinh tế xã hội chủ nghĩa còn các hình thức khác là phi xã hội chủ nghĩa. Bởi vì, nếu chúng ta lấy tiêu chí định hướng xã hội chủ nghĩa là dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh; về lực lượng sản xuất phải khai thác mọi nguồn lực, trong đó nội lực là quyết định, đảm bảo sự phát triển bền vững; quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển nhất định của lực lượng sản xuất, mọi thành phần kinh tế đều bình đẳng trước pháp luật, được tự do cạnh tranh lành mạnh; về mặt xã hội phải đảm bảo thực hiện dân chủ và công bằng,

(8) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđd*, t.1, tr. 109.

đời sống của mọi thành viên được nâng cao, mọi người được làm giàu chính đáng thì tất cả các thành phần kinh tế đều là bộ phận của nền kinh tế quốc dân định hướng xã hội chủ nghĩa.

Do đó, tuyệt đối không nên phân biệt đối xử mang tính kỳ thị đối với kinh tế tư nhân và sở hữu tư nhân. Trái lại, phải tôn trọng nó, bởi vì chính sở hữu tư nhân chứa trong nó động lực cá nhân mạnh mẽ nhất, có tác dụng kích thích to lớn đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh của con người. Bên cạnh đó, cũng cần thừa nhận một sự thật là, động lực cá nhân dựa trên cơ sở sở hữu tư nhân và lợi ích cá nhân là một thuộc tính bản năng của con người sẽ còn tồn tại lâu dài. Nếu biết sử dụng động lực này cho thật tốt thì sẽ rất có lợi cho công cuộc phát triển kinh tế nói riêng và cho sự nghiệp xây dựng đất nước nói chung.

Ưu thế rõ rệt của sở hữu tư nhân so với sở hữu tập thể và sở hữu nhà nước còn là ở chỗ, hai loại sở hữu này dễ dẫn đến tình trạng giảm động lực, dễ trở nên vô chủ khi điều hành và kiểm soát kém, trong khi đó thì sở hữu tư nhân của các cá nhân, cả trong kinh tế cá thể lẫn khi đưa vào sử dụng chung, đều được giám sát tốt hơn và khả năng làm chủ cũng cao hơn, hiệu quả hơn. Cần khẳng định rằng, trong điều kiện nước ta hiện nay, thừa nhận sở hữu tư nhân, khuyến khích phát triển kinh tế tư nhân hoàn toàn không mâu thuẫn với định hướng xã hội chủ nghĩa.

Khi chúng ta đã chấp nhận như vậy thì một kết luận logic khác sẽ được rút ra là mọi công dân đều được tự do sản xuất, kinh doanh trong khuôn khổ pháp luật, trong phạm vi các lĩnh vực mà luật pháp không cấm. Điều này cũng có nghĩa là

quyền dân chủ của công dân được thực thi trong thực tế chứ không phải chỉ là lý thuyết đơn thuần. Suy rộng ra, điều đó có nghĩa là không chỉ các công dân bình thường được tự do tiến hành các hoạt động sản xuất kinh doanh trong khuôn khổ pháp luật, mà các đảng viên không thể đứng ngoài cuộc; họ cũng phải là những người tích cực, đầu tầu, gương mẫu cả trong lĩnh vực này. Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng yêu cầu, “đảng viên đi trước, làng nước theo sau”, nghĩa là đảng viên phải nêu gương cho quần chúng. Dĩ nhiên, người đảng viên tiến hành các hoạt động kinh tế vừa phải tuân thủ pháp luật, vừa phải tuân theo những quy định riêng của Đảng đối với đảng viên. Có lẽ đây là khâu mắc nhất hiện nay và đang cần một cách nhìn mới, một sự sửa đổi và bổ sung các quy định cho phù hợp với thực tiễn đang biến động hết sức nhanh chóng, nhất là những quy định quá lạc hậu đang cản trở sự năng động của đội ngũ những đảng viên có đầy đủ năng lực và điều kiện làm kinh tế, góp phần thúc đẩy sự phát triển của đất nước trong giai đoạn hiện nay và sắp tới.

Cuộc sống đã chứng tỏ sự đúng đắn trong quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về sở hữu và về các thành phần kinh tế. Tính chất đúng đắn đó không phải đạt được ngay một lúc. Quan điểm về vấn đề này là kết quả của một quá trình nhận thức, thử nghiệm, sửa đổi, bổ sung và vẫn đang được tiếp tục hoàn thiện. Một khi đã nhận thức được vai trò động lực của sở hữu thì sự thực thi nó trong thực tế sẽ có tác động rất lớn đến mọi hoạt động kinh tế của đất nước nói riêng và của toàn bộ đời sống xã hội ta nói chung. □